

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 153 /2017/HSST

Ngày: 30/8/2017.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Tạ Thị Thu Hương**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Vũ Mỹ Thuần**

Ông Lê Đình Can

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: **Ông Trần Anh Quang** - cán bộ Toà án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: **Bà Vũ Thị Phương Thảo** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 148/2017/HSST ngày 16 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Lê A - Sinh năm: 1960; ĐKKHKT: Số 91, phố S, phường K, quận B, Hà Nội; Chỗ ở: Số 145, phố D, phường Q, quận C, Hà Nội; Nghề nghiệp: Không; Văn hóa: 10/10; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Trần N; Con bà: Phú Thị Cẩm L; Vợ: Vũ Thị L - Có 02 con lớn sinh năm 1986, nhỏ sinh năm 1993; Tiền án tiền sự: 01 tiền sự năm 2000 (Đã hết thời hiệu); Theo danh chỉ bản số 000000239 do Công an quận Cầu Giấy lập ngày 29/6/2017; Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại :* **Anh Trần Đồng T** - sinh năm: 1960;

ĐKKHKT: Tổ 13, phường M, quận C, Hà Nội. Vắng mặt.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan :*

1. Chị Vũ Thị L – sinh năm 1962; ĐKHKT: phố D, phường Q, quận C, thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Anh Đỗ Xuân V - sinh năm: 1975 ; ĐKHKT: Tổ 3, phường D, quận C, Hà Nội. Vắng mặt

NHẬN THẤY

Bị cáo Trần Lê A bị Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Trần Lê A và anh Trần Đồng T - sinh năm: 1960 (HKTT: Tổ 13, phường M, quận C, Hà Nội) là bạn bè, chơi với nhau từ nhỏ. Ngày 06/4/2016, Trần Lê A hỏi mượn chiếc xe máy Honda Wave, màu xanh đen bạc, BKS: 29P1-470.76 của anh T, nói để đi thăm bạn là anh Nguyễn Tuấn A - sinh năm: 1959 (HKTT: số 72, phố N, thành phố V, Vĩnh Phúc) thực chất Trần Lê A lên gặp anh Tuấn A để vay tiền trả nợ. Anh T đồng ý và giao cho Trần Lê A 01 chiếc xe máy trên cùng 01 đăng ký xe máy mang tên anh Trần Đồng T tại nhà của anh T ở số 47 tổ 13 Tập thể V, thuộc phường M, quận C, Hà Nội. Sau khi mượn được xe, Lê A lên thành phố V để gặp anh Tuấn A nhưng không vay được tiền do anh Tuấn A không có ở nhà. Lê A quay trở lại Hà Nội vào khoảng 17h cùng ngày. Do cần tiền để trả nợ, Trần Lê A đã đặt chiếc xe máy trên cho chị Nguyễn Thị H- sinh năm: 1967 (HKTT: đường C, phường Q, quận C) lấy 13.000.000 đồng (khi đặt xe, do có quen biết nên hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau, không viết giấy tờ gì). Khoảng chiều ngày 07/4/2017, anh T gọi điện đưa xe thì Lê A nói dối với anh T hiện tại Lê Anh đang đi chơi với bạn tại Phú Thọ, vài hôm nữa mới về được. Anh T không nói gì. Đến ngày 15/4/2016, qua sự giới thiệu của anh Phạm Văn T1- sinh năm:1980 (HKTT: phố D, phường Q, quận C), Trần Lê A đã bán chiếc xe máy trên cho anh Đỗ Xuân V- sinh năm: 1975 (HKTT: Tổ 3, phường D, quận C, Hà Nội) với giá 15.000.000 đồng tại khu vực gần nhà văn hóa phường Q, quận C. Khi bán xe, Trần Lê A có viết giấy bán xe, đưa cho anh V cất giữ và dặn anh V trong vòng 10 ngày anh V để lại xe để Lê A chuộc xe về. Sau khi bán được xe, Lê A tắt máy điện thoại không liên lạc với anh T. Sau 10 ngày không thấy Lê A liên lạc lại nên anh V đã bán lại chiếc xe máy trên cho một người đàn ông không rõ lai lịch với giá 16.000.000

đồng. Đến ngày 28/4/2016, Lê A nhắn tin cho anh T thông báo mình đã bán chiếc xe trên và nhắn tin số điện thoại của anh V và đề nghị anh T liên lạc với anh V chuộc xe về trước, sau này Lê A sẽ trả sau. Anh T đã liên hệ với anh V nhưng anh V đã bán xe cho người không quen biết nên không lấy lại xe được. Ngày 16/6/2016, anh Trần Đồng T đến Công an trình báo.

Tại Cơ quan điều tra: Trần Lê A đó khai nhận hành vi nêu trên. Lê A khai số tiền bán xe máy của anh T, Lê A đó trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Lời khai của Trần Lê A phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ khác đó thu thập có trong hồ sơ. Quá trình xác minh, Cơ quan Công an thu giữ 01 giấy bán xe do anh Việt giao nộp.

Kết luận giám định số 5546/C54-P5 của Viện khoa học hình sự Tổng cục Cảnh sát đề ngày 17/01/2017 xác định chữ viết, chữ ký trên tài liệu cần giám định (giấy bán xe) so với chữ viết, chữ ký của Trần Lê A trên các tài liệu mẫu do cùng một người viết và ký ra.

Theo kết luận định giá tài sản số 147 ngày 22/7/2016 của Hội đồng định giá trong tổ tụng quận Cầu Giấy thì 01 xe máy Honda Wave α , BKS: 29P1-470.76, số khung: RLHHC121DY694183; số máy: HC12E5693705 mà Lê A chiếm đoạt của anh Trần Đồng T có trị giá là 14.500.000đồng. Ngày 10/11/2016, chị Vũ Thị L (vợ của Trần Lê A) đã tự thỏa thuận bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh T với số tiền là 20.000.000đồng. Anh T đó nhận toàn bộ số tiền trên và không có yêu cầu gì khác. Ngày 30/5/2017, anh T có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Trần Lê A.

Đối với Nguyễn Thị H là chủ cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ tại Kì ốt số 10 đường D, phường Q, quận C, Hà Nội, khi nhận cầm cố xe máy của Lê A, chị H không biết đó là tài sản do Lê A phạm tội mà có, nhưng đã nhận cầm cố xe không có giấy tờ chứng minh quyền sở hữu hợp pháp. Ngày 09/12/2016, Công an quận Cầu Giấy đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 11 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ.

Đối với anh Đỗ Xuân V, khi mua xe của Lê A không biết đó là tài sản do Lê A chiếm đoạt của người khác nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý. Anh V

cũng tự nguyện giao nộp số tiền 1.000.000đồng - là số tiền chênh lệch từ việc bán lại chiếc xe máy trên.

Tại bản cáo trạng số 155/CT- VKS ngày 11/8/2017 Viện Kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy đó truy tố Trần Lê A về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm b, khoản 1, Điều 140, Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, khoản 1, Điều 140; điểm h, p, khoản 1, Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt Trần Lê Anh từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo hạn thử thách 12 đến 18 tháng, không áp dụng hình phạt tiền theo khoản 5 Điều 140 Bộ luật hình sự.

Về dân sự, người bị hại đó nhận đủ yêu cầu bồi thường, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề nghị xem xét.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 1.000.000đồng .

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đó được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác

XÉT THẤY

Tại phiên tòa hôm nay qua xét hỏi bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng, xét lời khai của bị cáo là phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng và phù hợp các tài liệu khác có trong hồ sơ. Đủ cơ sở kết luận vào ngày 06/4/2016, bị cáo Trần Lê A đã mượn 01 chiếc xe máy Honda Wave, màu xanh đen bạc, BKS: 29P1-470.76 có trị giá 14.500.000đồng của anh Trần Đồng T để làm phương tiện đi lại, đến ngày 15/4/2016 do cần tiền tiêu xài cá nhân bị cáo Trần Lê A đã bán chiếc xe máy trên cho anh Đỗ Xuân V với giá 15.000.000đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo Trần Lê A đã phạm vào tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, Điều 140, Bộ luật hình sự.

Xét hành vi của bị cáo là nghiêm trọng, do là bạn bè quen biết với người bị hại, bị cáo đã mượn xe máy Honda Wave, màu xanh đen bạc, BKS: 29P1-470.76 của người bị hại, do tin tưởng nên khi cho mượn xe người bị hại đã giao giấy đăng

ký xe máy cho bị cáo, sau đó do cần tiền tiêu xài cá nhân bị cáo đó nói dối anh Đỗ Xuân V chiếc xe máy trên là của bị cáo và bán cho anh V. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp tới quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, ảnh hưởng tới lòng tin của con người trong xã hội đối với nhau. Bị cáo là người đã trưởng thành lẽ ra bị cáo phải tu dưỡng rèn luyện đạo đức, sống tuân thủ pháp luật, thì lại ham hưởng lợi bằng tài sản của người khác nên đã đi vào con đường phạm tội. Do vậy, đối với bị cáo cần áp dụng hình phạt tù để giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi lượng hình có xem xét bị cáo đó thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân không có tiền án, tiền sự đã hết thời hiệu, bị cáo đó tự nguyện khắc phục hậu quả bồi thường cho người bị hại, bị cáo là bộ đội xuất ngũ đã có thời gian từ năm 1976 đến 1982 tham gia Quân Đội nhân dân Việt Nam, để áp dụng điểm b, p, khoản 1, khoản 2, điều 46 Bộ luật hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xét bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, tội phạm thực hiện là loại tội ít nghiêm trọng nên hội đồng xét xử áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự quản lý của chính quyền địa phương nơi cư trú cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện.

Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên miễn hình phạt bổ sung bằng tiền được quy định tại khoản 5, điều 140 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Về phần bồi thường dân sự: Bị cáo, vợ bị cáo là chị Vũ Thị L và người bị hại đã tự nguyện thỏa thuận về phần bồi thường dân sự và người bị hại không có yêu cầu bồi thường nào khác nên Toà không xét. Chị Vũ Thị L cũng tự nguyện cùng bị cáo bồi thường cho người bị hại, chị L không có đề nghị gì thêm nên Tòa án không xét đến.

Người liên quan là anh Đỗ Xuân V tự nguyện nộp số tiền 1.000.000đồng tiền hưởng lời từ việc mua bán xe máy, số tiền này cần tịch thu sung công quỹ nhà nước

Bị cáo phải chịu án phí hình sự.

Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: **Bị cáo Trần Lê A phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.**

Áp dụng: - Khoản 1 Điều 140; điểm b, p, khoản 1, khoản 2, Điều 46; Điều 60; điều 41 Bộ luật hình sự;

- Điều 99, Điều 231, Điều 234 - Bộ luật tố tụng hình sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí.

Xử phạt: **Trần Lê A 12** (mười hai) tháng tự cho hưởng án treo hạn thử thách **24** (hai mươi bốn) tháng , thời hạn kể từ ngày tũa tuyền án

- Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân phường Q, quận C, thành phố Hà Nội quản lý và giáo dục trong hạn thử thách của bản án.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 1.000.000 đồng.

(theo giấy nộp tiền vào tài khoản số 3949 mã ĐVQHNS 9052706 ngày 07/8/2017 tại Kho bạc nhà nước C).

- Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyền án.

- Người bị hại vắng mặt mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyền án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP Hà Nội.
- Viện kiểm sát Quận Cầu Giấy.
- Bị cáo; Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tạ Thị Thu Hương